TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 731/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 9 - 2024
"V/v Ly hôn giữa ông Vinh và bà Nhung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 626/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn V, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 6 đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 6 đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Văn V *trình bày:* Ông Hồ Văn V và bà Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2011, Quyển số 01/2011 ngày 26/01/2011. Theo ông V thì sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng với cha mẹ của ông V tại địa chỉ 6 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng cũng rất yêu thương, quan tâm lo lắng

cho nhau, cuộc sống gia đình khi đó cũng khá đầm ấm và hạnh phúc, tuy nhiên chỉ được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không còn phù hợp dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra gây gổ cãi vã nhau, bên cạnh đó bà N còn là người sống thiếu trách nhiệm, bỏ bê không quan tâm đến gia đình và con cái. Mặc dù hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà, nhưng cả hai đã ly thân từ năm 2022 và kể từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Nay, ông V nhận thấy thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Hồ Văn V và bà Nguyễn Thị Cẩm N có 02 người con chung Hồ Viết Nhật M, sinh ngày 08/01/2012 và Hồ Viết Nhật Q (chết ngày 15/10/2022). Ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhật M; ông V cho biết hiện nay ông có công việc ổn định, có đủ khả năng và điều kiện nuôi con nên ông tạm thời chưa yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông V xác nhận vợ chồng không có công nợ chung.

Tại Bản tự khai ngày 15/8/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N *trình bày:* Bà N thừa nhận trình bày của ông Hồ Văn V về điều kiện tiến tới hôn nhân là đúng. Theo bà N thì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình, bên cạnh đó ông V còn là người chồng có tính cách gia trưởng, độc đoán, luôn muốn mọi thứ đều theo ý mình và tự ý quyết định mọi việc mà không cần hỏi ý kiến vợ. Bà N cho biết vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả và bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung Hồ Viết Nhật M, sinh ngày 08/01/2012 và Hồ Viết Nhật Q (chết ngày 15/10/2022). Bà N đồng ý giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà N xác nhận vợ chồng không có công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Hồ Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N và giao con chung Hồ Viết Nhật M, sinh ngày 08/01/2012 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ Văn V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N và đề nghị giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Như vậy, quan hệ tranh chấp ở đây là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N có địa chỉ cư trú tại số F T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

[1.2.1] Ông Hồ Văn V là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hồ Văn V.

[1.2.2] Bà Nguyễn Thị Cẩm N là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Cẩm N.

[1.3] Về trình tự thủ tục hòa giải tại Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Văn V là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây được coi là trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

[1.4] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn và thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông V, bà N tại địa phương. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn V và bà Nguyễn Thị Cẩm N chung sống với nhau từ năm 2011 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2011, Quyển số 01/2011 ngày 26 tháng 01 năm 2011 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà N là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo ông V xuất phát từ tính tình, quan điểm sống giữa vợ chồng không còn phù hợp, làm cho vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng hay xảy ra gây gổ cãi vã nhau, bên cạnh đó bà N còn là người sống thiếu trách nhiệm, bỏ bê không quan tâm đến gia đình và con cái, tuy vợ chồng vẫn sống chung một nhà, nhưng thực tế cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Mặc dù, tại phiên tòa bà N vắng mặt, nhưng trước đó bà N đã có lời khai thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân như ông V trình bày, bà N cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ vấn đề kinh tế trong gia đình, bên cạnh đó ông V còn là người chồng có tính cách gia trưởng, độc đoán, luôn muốn mọi thứ đều theo ý mình và tự ý quyết định mọi việc mà không cần hỏi ý kiến vợ, theo bà N thì trong thời gian ly thân cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả và bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông V. Như vậy, sự việc mâu thuẫn giữa vợ chồng ông V và bà N đã xảy ra từ lâu như ông V trình bày là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai đều cho rằng, mặc dù trong thời gian ly thân đã có thời gian để cả hai suy nghĩ hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng cũng không được cải thiện, cả hai vẫn không quay trở lại để sống chung với nhau mà vẫn tiếp tục sống ly thân và kể từ thời điểm đó vợ chồng bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông V và bà N đã trầm trọng nên việc ông V yêu cầu được ly hôn cũng phù hợp với ý chí nguyện vọng của bà N.

Từ những nhận định trên, đã đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông V và bà N đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, việc duy trì hôn nhân giữa hai người chỉ còn trên danh nghĩa. Vì vậy, với yêu cầu xin ly hôn của ông V là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Nguyên đơn ông Hồ Văn V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Hồ Viết Nhật M, sinh ngày: 08/01/2012. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Cẩm N đã có ý kiến đồng ý giao cháu Nhật M cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ

vụ án thể hiện giữa ông V và bà N đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con. Thời điểm hiện tại cháu Nhật M đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng cháu. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 19 tháng 7 năm 2024, cháu Nhật M trình bày nguyện vọng muốn được ở với cha sau khi cha mẹ ly hôn nên cần phải tôn trọng nguyện vọng của cháu. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của trẻ, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cũng như nguyện vọng của trẻ nên cần giao cháu Nhật M cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng ông V không yêu cầu. Xét thấy ông V có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con và việc ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu bà N có đủ căn cứ cho rằng ông V không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Ông V và bà N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông V và bà N xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn V.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Hồ Văn V và bà Nguyễn Thị Cẩm N.

1.2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hồ Viết Nhật M, sinh ngày: 08/01/2012 cho ông Hồ Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông V tạm thời chưa yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm N cấp dưỡng nuôi con.

Bà N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: Ông Hồ Văn V và bà Nguyễn Thị Cẩm N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông Hồ Văn V và bà Nguyễn Thị Cẩm N xác nhận không có công nợ chung nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng ông Hồ Văn V phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng ông V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001868 ngày 30 tháng 5 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Bà Nguyễn Thị Cẩm N không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND Phường D, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính